

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 17

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tài nguyên (“Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Gia Long	Chủ tịch
Ông Trương Sơn Hiền	Thành viên
Ông Nguyễn Bá Huân	Thành viên
Ông Đoàn Văn Tú	Thành viên
Ông Nguyễn Gia Minh	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Gia Long	Tổng Giám đốc
Ông Trương Sơn Hiền	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Bá Huân	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ hoạt động. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Nguyễn Gia Long

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 02 tháng 08 năm 2010

Số: /2010/BCKT-IFC-ACAGroup1

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
Báo cáo tài chính cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010
của Công ty Cổ phần Tài nguyên

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Tài nguyên

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2010 cùng với Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tài nguyên (sau đây gọi tắt là “Công ty”) cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010. Các Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 2, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra nhận xét về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc soát xét.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Lê Xuân Thắng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0043/KTV
Hà Nội, ngày 02 tháng 08 năm 2010

Phạm Tiến Dũng
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0747/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

MẪU B 01-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2010	01/01/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		35.239.299.252	39.752.886.380
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		19.347.352.838	9.721.485.818
1. Tiền	111	5.1	19.347.352.838	9.721.485.818
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		15.700.206.092	27.065.677.726
1. Phải thu khách hàng	131		148.500.000	523.509.835
2. Trả trước cho người bán	132		551.409.091	534.551.350
5. Các khoản phải thu khác	135	5.2	15.000.297.001	26.007.616.541
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		191.740.322	2.965.722.836
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		191.740.322	46.500.063
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	412.882.773
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.3	-	2.506.340.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		74.826.118.275	58.478.192.644
II. Tài sản cố định	220		1.054.757.595	1.992.336.313
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.4	689.950.716	1.627.529.434
- Nguyên giá	222		808.575.053	1.714.424.144
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(118.624.337)	(86.894.710)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		364.806.879	364.806.879
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		73.300.239.978	56.452.120.407
1. Đầu tư vào công ty con	251	5.5	33.780.239.978	24.532.120.407
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.6	39.520.000.000	31.920.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		471.120.702	33.735.924
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		471.120.702	33.735.924
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		110.065.417.527	98.231.079.024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

MẪU B 01-DN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2010	01/01/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		13.805.626.688	9.100.632.177
I. Nợ ngắn hạn	310		13.073.131.688	8.368.137.177
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.7	160.002.000	320.004.000
2. Phải trả người bán	312		-	-
3. Người mua trả tiền trước	313		10.000.000.000	7.697.000.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.8	2.908.129.688	346.133.177
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		5.000.000	5.000.000
II. Nợ dài hạn	330		732.495.000	732.495.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.9	732.495.000	732.495.000
B. NGUỒN VỐN	400		96.259.790.839	89.130.446.847
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.10	96.259.790.839	89.130.446.847
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		85.000.000.000	85.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.165.000.000	2.165.000.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		9.094.790.839	1.965.446.847
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		110.065.417.527	98.231.079.024

Nguyễn Gia Long
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 02 tháng 08 năm 2010

Chu Thị Thanh Vân
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

MẪU B 02-DN
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	10.267.186.909	454.545.455
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		10.267.186.909	454.545.455
4. Giá vốn hàng bán	11		135.000.000	-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		10.132.186.909	454.545.455
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.2	810.900.290	291.236.068
7. Chi phí tài chính	22		70.197.590	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		70.197.590	-
8. Chi phí bán hàng	24		27.192.000	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.3	1.338.603.047	364.502.096
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		9.507.094.562	381.279.427
11. Thu nhập khác	31		405.634	5.500
12. Chi phí khác	32		1.281.540	-
13. Lợi nhuận khác	40		(875.906)	5.500
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		9.506.218.656	381.284.927
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.4	2.376.874.664	66.724.862
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	51		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		7.129.343.992	314.560.065
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		839	90

Nguyễn Gia Long
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 02 tháng 08 năm 2010

Chu Thị Thanh Vân
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

MẪU B 03-DN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và DT khác	01	14.379.278.094	171.825.880
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(1.119.625.500)	(907.218.800)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(308.341.850)	(164.500.000)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(70.197.590)	
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(322.604.500)	(98.683.168)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	4.863.045.263	291.241.568
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(3.372.260.500)	(170.023.378)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	14.049.293.417	(877.357.898)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(53.890.909)	(71.710.002)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	-	(18.991.340.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24	11.000.000.000	13.973.500.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(15.922.656.000)	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	713.122.512	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(4.263.424.397)	(5.089.550.002)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
2. Tiền chi trả vốn góp cho CSH, mua lại CP của DN đã phát hành	32	-	(664.618.375)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	5.000.000.000	10.535.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(5.160.002.000)	(4.353.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(160.002.000)	5.517.381.625
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	9.625.867.020	(449.526.275)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	9.721.485.818	2.387.632.025
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	19.347.352.838	1.938.105.750

Nguyễn Gia Long
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 02 tháng 08 năm 2010

Chu Thị Thanh Vân
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tài Nguyên là Công ty được chuyển đổi từ Công ty TNHH Tư vấn và Đầu tư Tài Nguyên theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần lần đầu số 0103018230 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 02 tháng 07 năm 2007.

Hiện nay, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần 6 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 29 tháng 01 năm 2010. Vốn điều lệ của Công ty là 85.000.000.000 đồng (tám mươi lăm tỷ đồng), tương ứng với 8.500.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/1 cổ phần.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103018230 đăng ký thay đổi lần thứ 6 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 29 tháng 01 năm 2010, ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Tư vấn đầu tư (không bao gồm dịch vụ tư vấn pháp luật và tư vấn tài chính);
- Môi giới, xúc tiến thương mại;
- San lấp mặt bằng các công trình xây dựng;
- Thi công xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp;
- Vận tải hàng hoá, vận chuyển hành khách;
- Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế và các dịch vụ du lịch khác (không bao gồm kinh doanh phòng hát Karaoke, quán Bar, vũ trường);
- Môi giới bất động sản, dịch vụ nhà đất;
- Kinh doanh bất động sản;
- Khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản (trừ khoáng sản Nhà nước cấm);
- Kinh doanh các dịch vụ về môi trường;
- Kinh doanh dịch vụ ăn uống, giải khát (không bao gồm kinh doanh phòng hát Karaoke, quán Bar, vũ trường);
- Tư vấn lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Tư vấn, giới thiệu việc làm trong nước (trừ các hoạt động môi giới, xuất khẩu lao động và tuyển dụng cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động);
- Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về môi giới bất động sản, định giá bất động sản và quản lý điều hành sàn giao dịch bất động sản; Đào tạo tin học văn phòng; Đào tạo ngoại ngữ: Tiếng Anh, tiếng Trung Quốc, tiếng Nhật; tiếng Hàn Quốc (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Kinh doanh siêu thị, trung tâm thương mại; và
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản (dịch vụ sàn giao dịch bất động sản, dịch vụ tư vấn bất động sản, dịch vụ đầu giá bất động sản, dịch vụ quảng cáo bất động sản, dịch vụ quản lý bất động sản).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Công ty áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07/12/2009. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng khoản phải thu khó đòi cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN

Số 61 ngõ 562 đường Láng, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn hoạt động từ ngày
01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá hàng xuất kho được xác định theo phương pháp giá bình quân gia quyền.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Số năm

Phương tiện vận tải	7
Thiết bị dụng cụ quản lý	3

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ. Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

Ghi nhận doanh thu và chi phí

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Thuế (Tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền mặt	19.302.269.456	3.242.016.927
Tiền gửi ngân hàng	45.083.382	6.479.468.891
Cộng	19.347.352.838	9.721.485.818

5.2 Các khoản phải thu khác

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Cho vay	15.000.000.000	26.000.000.000
Phải thu khác	297.001	7.616.541
Cộng	15.000.297.001	26.007.616.541

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5.3 Tài sản ngắn hạn khác

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tạm ứng	-	2.506.340.000
Cộng	-	2.506.340.000

5.4 Tài sản cố định hữu hình

	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu kỳ	1.610.823.666	103.600.478	1.714.424.144
Mua trong kỳ	-	53.890.909	53.890.909
Góp vốn vào công ty con	959.740.000	-	959.740.000
Số dư cuối kỳ	651.083.666	157.491.387	808.575.053
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu kỳ	65.280.413	21.614.297	86.894.710
Khấu hao trong kỳ	46.505.976	19.500.080	66.006.056
Góp vốn vào công ty con	34.276.429	-	34.276.429
Số dư cuối kỳ	77.509.960	41.114.377	118.624.337
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu kỳ	1.545.543.253	81.986.181,00	1.627.529.434
Tại ngày cuối kỳ	573.573.706	116.377.010	689.950.716

5.5 Đầu tư vào công ty con

Chi tiết số dư các khoản đầu tư vào công ty con như sau:

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Đầu tư vào Công ty TNHH Tài nguyên và Khoáng sản Hà Nội - Điện Biên	31.685.758.978	22.842.120.407
Đầu tư vào Công ty Cổ phần sản Bất động sản Tài Nguyên	2.000.000.000	1.690.000.000
Đầu tư vào Công ty Cổ phần Bất động sản Tài nguyên Hà Nội	94.481.000	-
Cộng	33.780.239.978	24.532.120.407

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5.5 Đầu tư vào công ty con (Tiếp theo)

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2010 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty TNHH Tài nguyên và Khoáng sản Hà Nội - Điện Biên	Điện Biên	100	100	Khai thác khoáng sản
Công ty Cổ phần sản xuất động sản Tài Nguyên (*)	Hà Nội	60	60	Kinh doanh dịch vụ bất động sản
Công ty Cổ phần Bất động sản Tài nguyên Hà Nội	Hà Nội	68	68	Xây dựng nhà các loại; bán xi măng, sắt thép

(*) Công ty Cổ phần sản xuất động sản Tài Nguyên được thành lập ngày 28 tháng 05 năm 2009. Tuy nhiên, đến thời điểm 30 tháng 06 năm 2010, toàn bộ vốn đầu tư của chủ sở hữu của công ty này là do Công ty Cổ phần Tài Nguyên góp. Các cổ đông khác chưa thực hiện góp vốn điều lệ theo cam kết.

5.6 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	30/06/2010 VND	01/01/2010 VND
Đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên Đất Việt (*)	13.500.000.000	13.500.000.000
Đầu tư vào Công ty Cổ phần Đất vàng Thăng Long (**)	300.000.000	300.000.000
Góp vốn liên doanh dự án Khu nhà ở, dịch vụ thương mại và văn phòng làm việc tại Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội (***)	21.120.000.000	18.120.000.000
Đầu tư vào Công ty Cổ phần Phú Hà Hòa Bình (****)	4.400.000.000	-
Đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư khoáng sản dầu khí Điện Biên (*****)	200.000.000	-
Cộng	39.520.000.000	31.920.000.000

(*) Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên Đất Việt được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103023482 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 02 tháng 04 năm 2008, thay đổi lần 1 ngày 16 tháng 09 năm 2009. Vốn điều lệ là 15 tỷ đồng. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên Đất Việt là thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản. Tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Tài Nguyên trong Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên Đất Việt là 30%.

5.6 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh (Tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN

Số 61 ngõ 562 đường Láng, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn hoạt động từ ngày
01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

(**) Công ty Cổ phần Đất vàng Thăng Long được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103038188 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 08 tháng 06 năm 2009, thay đổi lần 1 ngày 19 tháng 10 năm 2009. Vốn điều lệ là 6 tỷ đồng. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Đất vàng Thăng Long là kinh doanh bất động sản; kinh doanh dịch vụ bất động sản; thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản. Tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Tài Nguyên trong Công ty Cổ phần Đất vàng Thăng Long là 28%.

(***) Đây là khoản góp vốn theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 18/2009/HĐHTKD ngày 25 tháng 05 năm 2009 về việc hợp tác đầu tư, quản lý, khai thác và kinh doanh dự án khu nhà ở, dịch vụ thương mại và văn phòng làm việc tại Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội. Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh này, Công ty Cổ phần Tài Nguyên cùng với 3 đối tác khác sẽ cùng góp vốn và quản lý dự án nêu trên. Tỷ lệ vốn góp của mỗi đối tác là 25%. Lợi nhuận (hoặc lỗ) được phân chia theo tỷ lệ vốn góp.

(****) Công ty Cổ phần Phú Hà Hòa Bình được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5400340634 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp ngày 29/01/2010. Đăng ký thay đổi lần 2 ngày 11/05/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp. Vốn điều lệ của Công ty là 20.000.000.000 đồng. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Phú Hà - Hòa Bình là khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét. Tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Tài Nguyên trong Công ty Cổ phần Phú Hà - Hòa Bình là 52%.

(*****) Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Dầu khí Điện Biên được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5600214066 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Điện Biên cấp ngày 03/02/2010. Vốn điều lệ là 80.000.000.000 đồng. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Dầu khí Điện Biên là khai thác và chế biến khoáng sản. Tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Tài nguyên trong Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Dầu khí Điện Biên là 10%.

5.7 Vay và nợ ngắn hạn

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Nợ dài hạn đến hạn trả	160.002.000	320.004.000
Cộng	160.002.000	320.004.000

5.8 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	507.726.347	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.376.874.641	322.604.477
Thuế tài nguyên	9.008.700	9.008.700
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	14.520.000	14.520.000
Cộng	2.908.129.688	346.133.177

5.9 Vay và nợ dài hạn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Vay Ngân hàng TMCP Hàng Hải (*)	330.000.000	330.000.000
Vay Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (**)	402.495.000	402.495.000
Cộng	732.495.000	732.495.000

(*) Đây là khoản vay theo hợp đồng số 1/SGD-PGDTT-CC/BD ngày 03 tháng 08 năm 2009. Mục đích là để mua xe ô tô Innova. Thời gian vay là 60 tháng. Lãi suất của khoản vay này được tính bằng lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng của Ngân hàng TMCP Hàng hải cộng (+) với 4%/năm. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay.

(**) Đây là khoản vay theo hợp đồng số 15.200909.03/HĐTD ngày 23 tháng 09 năm 2009. Mục đích là để thanh toán một phần tiền mua xe ô tô Kamaz. Thời gian vay là 36 tháng. Lãi suất của khoản vay này được xác định tại thời điểm giải ngân là 0,875%/tháng và được điều chỉnh theo thông báo của SeaBank trong từng thời kỳ. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay.

5.10 Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2009	35.000.000.000	-	429.007.026	35.429.007.026
Tăng vốn trong năm trước	50.000.000.000	2.165.000.000	-	52.165.000.000
Lợi nhuận năm trước	-	-	1.536.119.821	1.536.119.821
Số dư cuối năm trước	85.000.000.000	2.165.000.000	1.965.126.847	89.130.126.847
Số dư đầu kỳ này	85.000.000.000	2.165.000.000	1.965.126.847	89.130.126.847
Lãi trong kỳ	-	-	7.129.663.992	7.129.663.992
Số dư cuối năm nay	85.000.000.000	2.165.000.000	9.094.790.839	96.259.790.839

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	10.267.186.909	454.545.455
Trong đó:		
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	10.267.186.909	454.545.455

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

6.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	810.900.290	291.236.068
Cộng	810.900.290	291.236.068

6.3 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	390.373.230	196.500.000
Chi phí đồ dùng văn phòng	269.791.759	3.086.727
Chi phí khấu hao tài sản cố định	66.006.056	7.316.334
Thuế, phí và lệ phí	40.416.000	3.426.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	554.264.914	137.090.079
Chi phí khác bằng tiền	17.751.088	17.082.956
Cộng	1.338.603.047	364.502.096

6.4 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	9.506.218.656	381.284.927
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: các khoản chi phí không được trừ	1.280.000	-
Thu nhập chịu thuế	9.507.498.656	381.284.927
Thuế suất	25%	25%
Thuế TNDN phải nộp	2.376.874.664	95.321.232
Thuế TNDN được giảm (*)	-	28.596.370
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.376.874.664	66.724.862

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin các bên liên quan

Trong năm, Công ty đã có giao dịch với các bên có liên quan:

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Đầu tư vào Công ty TNHH Tài Nguyên và Khoáng sản Hà Nội - Điện Biên	8.843.638.571
Đầu tư vào Công ty Cổ phần Sản Bất động sản Tài Nguyên	310.000.000
Đầu tư vào Công ty Cổ phần Phú Hà Hòa Bình	4.400.000.000
Đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư khoáng sản dầu khí Điện Biên	200.000.000
Góp vốn liên doanh dự án Khu nhà ở, dịch vụ thương mại và văn phòng làm việc tại Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội	3.000.000.000

7.2 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu Báo cáo tài chính cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2009 đến 30/06/2009. Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.

Nguyễn Gia Long
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 02 tháng 08 năm 2010

Chu Thị Thanh Vân
Kế toán trưởng